

Số:4913 /SKHCN-CLCS
V/v xây dựng tài liệu, cử báo cáo viên
và tổ chức tập huấn các văn bản triển
khai thi hành Luật Thủ đô số
02/2026/QH16

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2026

Kính gửi: Sở Tư pháp.

Thực hiện văn bản số 07/CV-HĐ ngày 03/7/2026 của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Thành phố về việc xây dựng tài liệu, cử báo cáo viên và tổ chức tập huấn các văn bản triển khai thi hành Luật Thủ đô số 02/2026/QH16. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo như sau:

1. Sở Khoa học và Công nghệ đã xây dựng tài liệu chuyên đề pháp luật để tuyên truyền, tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu các chính sách quy định tại 06 Nghị quyết triển khai thi hành Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 (theo phân công tại Phụ lục 01 đính kèm văn bản số 07/CV-HĐ), bao gồm:

- Nghị quyết số 24/2026/NQ-HĐND ngày 02/6/2026 của HĐND thành phố Hà Nội quy định một số chính sách thúc đẩy nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển giao công nghệ của thành phố Hà Nội (Thực hiện điểm b, d, e khoản 2 Điều 18 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16);

- Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND ngày 02/6/2026 của HĐND thành phố Hà Nội về một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hạ tầng, tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Hà Nội (Thực hiện điểm a khoản 2 Điều 18 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16);

- Nghị quyết số 26/2026/NQ-HĐND ngày 02/6/2026 của HĐND thành phố Hà Nội quy định về thử nghiệm có kiểm soát tại thành phố Hà Nội (Thực hiện điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 19 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16);

- Nghị quyết số 58/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của HĐND thành phố Hà Nội quy định chính sách phát triển khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn thành phố Hà Nội (Thực hiện điểm b, e, g khoản 2 Điều 18 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16);

- Nghị quyết số 59/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của HĐND thành phố Hà Nội quy định chính sách thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trên địa bàn thành phố Hà Nội (Thực hiện điểm b,e khoản 2 Điều 18 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16);

- Nghị quyết số 60/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của HĐND thành phố Hà Nội quy định việc thành lập, cơ chế tổ chức, hoạt động, quản lý Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của thành phố Hà Nội (thực hiện điểm c khoản 2 Điều 18 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16);

(Tài liệu chi tiết đính kèm theo công văn)

2. Sở Khoa học và Công nghệ kiến nghị Sở Tư pháp báo cáo Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Thành phố xem xét cho phép rút Quyết định số 22/2026/QĐ-UBND ra khỏi Danh mục các chuyên đề pháp luật để tuyên truyền, tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu các chính sách quy định tại các Nghị quyết, Quyết định triển khai thi hành Luật Thủ đô số 02/2026/QH16.

Lý do:

Sở Khoa học và Công nghệ đang xây dựng và hoàn thiện Hồ sơ dự thảo **Quyết định ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Thủ đô; Quy định hỗ trợ chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực trọng điểm về khoa học và công nghệ của Thủ đô và hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, đóng góp vào quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố nhằm triển khai**, thực hiện Luật Thủ đô số 02/2026/QH16, Nghị quyết số 24/2026/NQ-HĐND, đồng thời thay thế Quyết định số 22/2026/QĐ-UBND.

Dự kiến, dự thảo Quyết định sẽ được trình UBND Thành phố thông qua, ban hành trong tháng 7/2026. Sau khi Quyết định được ban hành, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ chủ động biên soạn, bổ sung tài liệu chuyên đề pháp luật và gửi Sở Tư pháp theo quy định.

3. Sở Khoa học và Công nghệ đã lập danh sách báo cáo viên để tuyên truyền, tập huấn về 06 Nghị quyết triển khai thi hành Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 nêu trên.

(Danh sách chi tiết đính kèm theo công văn)

Sở Khoa học và Công nghệ kính gửi Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo theo quy định.

Trân trọng cảm ơn./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND Thành phố (để b/c);
- Hội đồng PHPBGDPL TP (để b/c);
- Đ/c Giám đốc Sở (để b/c);
- Đ/c Nguyễn Anh Tuấn - Phó GD Sở;
- Lưu: VT, CLCS(Q.Anh).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Anh Tuấn

NỘI DUNG TÀI LIỆU CHUYÊN ĐỀ PHÁP LUẬT

Nghị quyết số 24/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Tên Nghị quyết

Nghị quyết số 24/2026/NQ-HĐND ngày 02/6/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định một số chính sách thúc đẩy nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển giao công nghệ của thành phố Hà Nội (*thực hiện điểm b, đ, e khoản 2 Điều 18 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16*).

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

Việc ban hành Nghị quyết về chính sách thúc đẩy nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển giao công nghệ của thành phố Hà Nội được đặt trên nền tảng vững chắc của nhiều chủ trương lớn của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

a) Về **cơ sở chính trị**, có các Nghị quyết quan trọng của Bộ Chính trị như:

- Nghị quyết số 15-NQ/TW (05/5/2022) về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội;
- Nghị quyết số 57-NQ/TW (22/12/2024) về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 68-NQ/TW (04/5/2025) về phát triển kinh tế tư nhân.

b) Về **cơ sở pháp lý**, Quốc hội đã thông qua nhiều đạo luật quan trọng, trong đó có Căn cứ Luật Thủ đô số 02/2026/QH16; Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15, cùng các luật liên quan như Luật Ngân sách nhà nước, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Các quy định này tạo hành lang pháp lý để Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội ban hành cơ chế, chính sách đặc thù phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phù hợp đặc thù Thủ đô.

c) Về **cơ sở thực tiễn**:

- Về hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ:

Hà Nội là trung tâm chính trị, hành chính, khoa học, giáo dục, kinh tế của cả nước; nhiều năm qua, Thành phố dẫn đầu cả nước về **Chỉ số đổi mới sáng tạo (PII)**, **chuyển đổi số (DTI)**, số lượng công bố quốc tế và sáng chế. Tuy nhiên, vẫn còn những **điểm nghẽn** như: quy mô và tốc độ phát triển khoa học, công nghệ còn hạn chế; cơ chế chính sách chưa đồng bộ; nguồn lực đầu tư và nhân lực chất lượng cao còn thiếu; liên kết giữa nghiên cứu – doanh nghiệp – thị trường chưa chặt chẽ.

Xuất phát từ thực tiễn triển khai và kết quả đạt được của hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ của Thành phố giai đoạn vừa qua, sự cần thiết triển khai thực hiện các chủ trương, định hướng, mục tiêu phát triển khoa học và công nghệ của Trung ương về “xác lập thể chế đặc thù, vượt trội; phân

cấp; phân quyền triệt để, toàn diện gắn với cơ chế kiểm soát và trách nhiệm giải trình, bảo đảm Thủ đô có đủ thẩm quyền, công cụ và nguồn lực để chủ động quyết định, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm toàn diện đối với các vấn đề phát triển của Thủ đô”, xác định “Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới”.

- Về hoạt động chuyển giao công nghệ:

Các biện pháp thúc đẩy chuyển giao công nghệ theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ được cụ thể tại Nghị định 101/2026/NĐ-CP là các khung chính sách chung, chưa quy định một mức hỗ trợ cụ thể như hỗ trợ bao nhiêu % và mức trần. Với các chính sách hiện tại thì phần lớn thông qua việc hỗ trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các hoạt động hỗ trợ khác tại các Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, và của Thành phố. Tại Hà Nội, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Thành phố chưa thực hiện được hoạt động cho vay và bảo lãnh vay vốn từ nguồn vốn này. Do vậy, các doanh nghiệp sẽ chưa thể nhận được các hình thức hỗ trợ từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Thành phố. Mức hỗ trợ tại Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thành phố 2026-2030 “Hỗ trợ 50% giá trị hợp đồng tư vấn chuyển giao công nghệ, tối đa 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp”... Đây là mức hỗ trợ chưa thực sự hấp dẫn đối với doanh nghiệp, trong khi những công nghệ tiên tiến, công nghệ hiện đại thì giá trị hợp đồng rất lớn.

- Về hoạt động của quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp:

Trong thời gian qua, một số vướng mắc đã được chỉ ra là cơ chế khuyến khích trích lập và sử dụng Quỹ chưa đủ hấp dẫn, cơ chế giám sát nội dung chi tiêu Quỹ, quyết toán chi Quỹ với cơ quan quản lý nhà nước, chế tài phạt đối với việc trích lập mà không sử dụng hay sử dụng không hết 70% số trích... tạo tâm lý ngại chi từ Quỹ của doanh nghiệp và từ đó không muốn trích lập Quỹ; thủ tục mua sắm phục vụ hoạt động KH&CN sử dụng Quỹ thực hiện theo thủ tục của dự án đầu tư chưa phù hợp với đặc thù tính mới, tính kịp thời, tính rủi ro cao của hoạt động KH&CN. Với pháp luật mới theo Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 doanh nghiệp còn đang tìm hiểu và nắm bắt. Trong đó, vướng mắc lớn nhất của các doanh nghiệp khi sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp là việc xác định các nội dung hợp lệ được phép chi từ Quỹ.

Do vậy, việc Nghị Quyết quy định một cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; chuyển giao công nghệ, chính sách

hỗ trợ ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp đã đóng góp vào Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố để thực hiện dự án, đề án phát triển khoa học, công nghệ là việc cần thiết, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc nêu trên, thúc đẩy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

a) Mục đích ban hành Nghị quyết

Nghị quyết được ban hành nhằm cụ thể hóa các cơ chế, chính sách đặc thù về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ theo Luật Thủ đô, gồm:

1. Một số cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; chuyển giao công nghệ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 18 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 (sau đây gọi là Luật Thủ đô); thu hút, trọng dụng nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số bằng các chính sách vượt trội tại điểm a khoản 1 Điều 18 của Luật Thủ đô.

2. Việc sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp đóng góp vào Quỹ Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố; chính sách ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp đã đóng góp vào Quỹ Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố để thực hiện dự án, đề án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo tại điểm đ khoản 2 Điều 18 của Luật Thủ đô.

3. Trường hợp giao trực tiếp đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ, dự án khoa học, công nghệ, có sử dụng ngân sách Thành phố tại điểm e khoản 2 Điều 18 Luật Thủ đô.

4. Lĩnh vực trọng điểm về khoa học và công nghệ của Thủ đô tại điểm b khoản 7 Điều 26 Luật Thủ đô.; tạo hành lang pháp lý để triển khai các chính sách vượt trội, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, góp phần xây dựng Hà Nội trở thành trung tâm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của cả nước.

Đồng thời, Nghị quyết tạo cơ chế huy động nguồn lực xã hội, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu, phát triển công nghệ, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế Thủ đô.

b) Ý nghĩa của Nghị quyết

- Nghị quyết tạo bước đột phá trong cơ chế, chính sách phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố thông qua việc quy định đồng bộ các chính sách về nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm, giao trực tiếp nhiệm vụ, hỗ trợ chuyển giao công nghệ, thu hút chuyên gia, chuyển giao không bồi hoàn kết quả nghiên cứu và huy động Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp. Qua đó, khuyến khích doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường

đại học và các tổ chức khoa học, công nghệ tăng cường hợp tác, đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, đổi mới công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu; sớm đưa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ vào ứng dụng triển khai trong thực tiễn nhằm nâng cao năng suất lao động, tăng năng lực cạnh tranh, góp phần hoàn thành thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỷ nguyên mới “Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”.

c) Tác động của Nghị quyết

Nghị quyết tạo cơ sở pháp lý để các cơ quan nhà nước triển khai thống nhất các chính sách hỗ trợ khoa học, công nghệ; nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước.

Đối với doanh nghiệp, các chính sách hỗ trợ chuyển giao công nghệ, hỗ trợ lãi suất vay, ưu tiên tiếp cận nguồn lực và khuyến khích đóng góp vào Quỹ Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố sẽ góp phần giảm chi phí đầu tư, nâng cao năng lực đổi mới công nghệ và năng lực cạnh tranh.

Đối với các tổ chức khoa học và công nghệ, nhà khoa học và chuyên gia, Nghị quyết tạo điều kiện thuận lợi để nghiên cứu, hợp tác, chuyển giao công nghệ và phát huy năng lực chuyên môn.

Nghị quyết sẽ thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, góp phần nâng cao chất lượng tăng trưởng, phát triển kinh tế tri thức và xây dựng Thủ đô Hà Nội trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo của cả nước và khu vực.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Nghị quyết gồm 5 chương 25 điều, cụ thể: Chương I. Những quy định chung, gồm 3 điều; Chương II. Chính sách ưu đãi, hỗ trợ thúc đẩy nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, gồm 9 điều; Chương III. Chính sách hỗ trợ chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực trọng điểm về khoa học và công nghệ của Thủ đô, gồm 3 điều; Chương IV. Chính sách đối với doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ đóng góp vào quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của thành phố, gồm 4 điều; Chương V. Tổ chức thực hiện, gồm 5 điều.

Nghị quyết có hiệu lực từ **ngày 01/7/2026**, đánh dấu **một giai đoạn mới** trong quản lý và phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Hà Nội – **thủ đô tri thức, sáng tạo và hội nhập quốc tế**.

5. Điểm mới, quy định vượt trội so với pháp luật hiện hành

- Lĩnh vực trọng điểm về khoa học và công nghệ của Thủ đô (Điều 4): Ngoài các lĩnh vực được quy định tại khoản 7 Điều 26 Luật Thủ đô, các lĩnh vực trọng điểm về khoa học và công nghệ của Thủ đô bao gồm: đô thị thông minh, giáo dục thông minh, y tế thông minh, công nghệ sinh học và y sinh tiên tiến, công nghệ tài chính, công nghệ cao trong nông nghiệp, an toàn thực phẩm, công nghệ đường sắt đô thị, công nghệ robot, công nghệ chip bán dẫn, công nghệ

lượng tử, công nghệ bản sao số đô thị, công nghệ dữ liệu lớn, công nghệ Internet vạn vật, công nghệ trí tuệ nhân tạo, công nghiệp văn hoá, mô hình kinh tế mới.

- Các trường hợp giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Thành phố (Điều 6), gồm:

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô.

2. Nhiệm vụ giải quyết vấn đề thuộc danh mục các bài toán lớn của Thành phố Hà Nội trên cơ sở công nghệ, thiết bị công nghệ, giải pháp công nghệ, phương pháp khoa học do tổ chức, doanh nghiệp làm chủ.

3. Nhiệm vụ do tổ chức, doanh nghiệp đề xuất có vốn đối ứng tối thiểu 50%.

4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

- Tăng mức chi cho Hội đồng tư vấn, Tổ chuyên gia và các thành viên tham gia thẩm định, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Thành phố (Phụ lục II của Nghị Quyết): Tăng gần 2 lần mức chi cho Hội đồng tư vấn, Tổ chuyên gia và các thành viên tham gia thẩm định, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KHCN so với quy định hiện hành tại Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN, Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND...

- Nghị Quyết này đưa ra nội dung hỗ trợ cho doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ nhận chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực trọng điểm về khoa học và công nghệ của thủ đô với mức hỗ trợ tối đa 50% kinh phí mua, chuyển giao công nghệ (Điều 14).

- Quy định việc sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp được xác định là sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (theo quy định tại Điều 18 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16) (Điều 18), bao gồm một số chính sách hỗ trợ về kinh phí đầu tư, hỗ trợ lãi suất vay, hưởng lãi suất cho vay tối thiểu để thực hiện đề án, dự án phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp.

Việc triển khai hiệu quả Nghị quyết số 24/2026/NQ-HĐND sẽ góp phần tạo lập môi trường thuận lợi cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển giao công nghệ; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của doanh nghiệp; từng bước xây dựng Hà Nội trở thành trung tâm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hàng đầu của cả nước, đóng góp tích cực vào sự phát triển nhanh và bền vững của Thủ đô trong giai đoạn mới./.

NỘI DUNG TÀI LIỆU CHUYÊN ĐỀ PHÁP LUẬT
Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Tên Nghị quyết

Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND ngày 02/6/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hạ tầng, tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

Nghị quyết được ban hành nhằm cụ thể hóa điểm a khoản 2 Điều 18 Luật Thủ đô năm 2026, tạo cơ sở pháp lý để Hà Nội triển khai các chính sách đặc thù phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đồng thời thực hiện các chủ trương của Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và kinh tế tư nhân.

Hà Nội là trung tâm lớn về khoa học và công nghệ của cả nước, tập trung nhiều viện nghiên cứu, trường đại học, phòng thí nghiệm, doanh nghiệp công nghệ và đội ngũ chuyên gia. Tuy nhiên, hạ tầng nghiên cứu và đổi mới sáng tạo còn thiếu đồng bộ, hạ tầng dùng chung còn hạn chế, liên kết giữa viện - trường - doanh nghiệp chưa chặt chẽ, việc huy động nguồn lực xã hội cho đầu tư khoa học và công nghệ còn gặp nhiều khó khăn.

Việc ban hành Nghị quyết nhằm tạo cơ chế ưu đãi, hỗ trợ đủ mạnh để phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng và thương mại hóa công nghệ; thúc đẩy hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, góp phần tạo động lực tăng trưởng mới cho Thủ đô.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

Nghị quyết sẽ góp phần hình thành hệ thống hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hiện đại, đồng bộ; nâng cao hiệu quả khai thác hạ tầng dùng chung; giảm chi phí nghiên cứu, thử nghiệm và đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp, viện nghiên cứu và cơ sở đào tạo.

Đồng thời, các chính sách hỗ trợ sẽ thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu, phát triển thị trường khoa học và công nghệ, tăng cường liên kết giữa Nhà nước, viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp; góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng Hà Nội trở thành trung tâm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hàng đầu của cả nước.

Theo đó, Nghị quyết quy định hai nhóm chính sách:

- Chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với các tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Đối tượng áp dụng gồm các cơ quan, đơn vị sự nghiệp thuộc Thành phố và các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số như: tổ chức khoa học và công nghệ; cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp; doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ số; trung tâm đổi mới sáng tạo, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, cơ sở ươm tạo và các tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

4.1. Nghị quyết gồm 3 chương 14 điều, cụ thể:

Chương I. Những quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Điều 4. Nguyên tắc ưu đãi, hỗ trợ

Điều 5. Nguồn lực đầu tư

Chương II. Chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hạ tầng, tổ chức khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn Thành phố

Mục 1. Chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn Thành phố

Điều 6. Nội dung và mức hỗ trợ phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Điều 7. Điều kiện, tiêu chí hỗ trợ

Điều 8. Kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm

Điều 9. Hội đồng tư vấn

Mục 2. Chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với tổ chức có hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn Thành phố

Điều 10. Nội dung và mức ưu đãi, hỗ trợ đối với tổ chức có hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Điều 11. Điều kiện hỗ trợ

Chương III. Điều khoản thi hành

Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố

Điều 13. Giám sát thi hành Nghị quyết

Điều 14. Điều khoản thi hành

4.2. Chính sách hỗ trợ phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Nghị quyết ưu tiên phát triển hệ thống hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số dùng chung phục vụ hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn Thành phố.

Các chính sách hỗ trợ chủ yếu gồm:

- Hỗ trợ 100% chi phí đầu tư và vận hành đối với hạ tầng do Thành phố đầu tư.
- Hỗ trợ đến 50% chi phí đầu tư và vận hành trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D), phòng thí nghiệm, cơ sở ươm tạo thuộc khu vực công lập và doanh nghiệp nhà nước không thuộc Thành phố.
- Hỗ trợ đến 30% chi phí đầu tư và vận hành phòng thí nghiệm thuộc khu vực ngoài công lập.
- Hỗ trợ kiểm định, hiệu chuẩn trang thiết bị; xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quản lý chất lượng.
- Hỗ trợ vận hành Sàn giao dịch công nghệ của Thành phố và miễn phí sử dụng vị trí đặt thiết bị, cấp viễn thông đối với các dự án xã hội hóa phục vụ đô thị thông minh.

4.3. Chính sách hỗ trợ tổ chức hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Nghị quyết quy định nhiều chính sách hỗ trợ nhằm nâng cao năng lực của doanh nghiệp và các tổ chức khoa học và công nghệ, bao gồm:

- Hỗ trợ tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi thông qua Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố.
- Hỗ trợ tham gia hội chợ, triển lãm, sự kiện khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế.
- Miễn phí tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản trị công nghệ, chuyển đổi số và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.
- Hỗ trợ thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến công nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, trung tâm đổi mới sáng tạo và các tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo.
- Hỗ trợ kết nối với chuyên gia, nhà khoa học, nhà đầu tư, quỹ đầu tư, viện nghiên cứu, trường đại học và các mạng lưới đổi mới sáng tạo trong nước và quốc tế.

5. Điểm mới, quy định vượt trội so với pháp luật hiện hành

5.1. Chính sách hỗ trợ phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Nghị quyết quy định nhiều cơ chế ưu đãi, hỗ trợ nhằm phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn Thành phố. Trong đó, Thành phố hỗ trợ 100% chi phí đầu tư và vận hành đối với hạ tầng do Thành phố đầu tư; hỗ trợ đến 50% chi phí đầu tư, vận hành trung tâm R&D,

phòng thí nghiệm, cơ sở ươm tạo thuộc khu vực công lập và doanh nghiệp nhà nước; hỗ trợ đến 30% đối với phòng thí nghiệm ngoài công lập. Đồng thời, hỗ trợ kiểm định, hiệu chuẩn trang thiết bị, vận hành Sàn Giao dịch công nghệ và khai thác hạ tầng số dùng chung.

5.2. Chính sách hỗ trợ tổ chức hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Đối với các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, Nghị quyết quy định các chính sách hỗ trợ tiếp cận vốn vay ưu đãi; tham gia hội chợ, triển lãm, xúc tiến công nghệ; đào tạo, nâng cao năng lực; hỗ trợ thủ tục hành chính và kết nối với chuyên gia, nhà đầu tư, viện nghiên cứu, trường đại học trong và ngoài nước.

5.3. Điểm nổi bật của Nghị quyết

Nghị quyết là cơ chế đặc thù đầu tiên của Thành phố triển khai trực tiếp Luật Thủ đô về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đồng thời áp dụng cơ chế đánh giá theo kết quả đầu ra và chấp nhận rủi ro trong hoạt động khoa học và công nghệ./.

NỘI DUNG TÀI LIỆU CHUYÊN ĐỀ PHÁP LUẬT

Nghị quyết số 26/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Tên Nghị quyết

Nghị quyết số 26/2026/NQ-HĐND ngày 02/6/2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về thử nghiệm có kiểm soát tại thành phố Hà Nội

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

a) Về **cơ sở chính trị**, có các Nghị quyết quan trọng của Bộ Chính trị như:

- **Nghị quyết số 15-NQ/TW (05/5/2022)** về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội;

- **Nghị quyết số 57-NQ/TW (22/12/2024)** về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Nghị quyết số 68-NQ/TW (04/5/2025) về phát triển kinh tế tư nhân.

b) Về **cơ sở pháp lý**, Quốc hội đã thông qua nhiều đạo luật quan trọng, trong đó có **Luật Thủ đô số 02/2026/QH15**, **Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15**, cùng các luật liên quan như Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Các quy định này tạo hành lang pháp lý để **Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội** ban hành Nghị quyết về thử nghiệm có kiểm soát.

c) Về **cơ sở thực tiễn**, Thủ đô Hà Nội đang đứng trước yêu cầu cấp thiết phải hình thành mô hình tăng trưởng mới dựa trên tri thức, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, nguồn lực văn hóa và nguồn nhân lực chất lượng cao. Nhiều công nghệ, quy trình, giải pháp, sản phẩm, dịch vụ và mô hình kinh doanh mới có khả năng giải quyết các yêu cầu về quản lý nhà nước của thành phố, các bài toán lớn của Thành phố về giao thông, môi trường, y tế, giáo dục, quản trị đô thị, dữ liệu, dịch vụ công, văn hóa, kinh tế số và phát triển thị trường nhưng chưa thể triển khai đầy đủ do khuôn khổ pháp luật hiện hành chưa có quy định, còn khoảng trống hoặc chưa phù hợp với đặc tính mới của sản phẩm, công nghệ, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới dẫn tới không thể triển khai được trên thực tế.

Thực tiễn triển khai các chính sách phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo cho thấy nếu không có cơ chế thử nghiệm trong phạm vi, thời hạn, không gian, đối tượng và điều kiện được kiểm soát chặt chẽ thì Thành phố khó thu hút được các giải pháp công nghệ mới, khó đánh giá rủi ro trên dữ liệu thực tiễn và khó tạo căn cứ khoa học, pháp lý để kiến nghị hoàn thiện chính sách. Ngược lại, nếu cho phép triển khai đại trà khi chưa được kiểm chứng sẽ tiềm ẩn rủi ro về an toàn, dữ liệu, quyền lợi người dùng, tài sản công, cạnh tranh thị trường, trật tự xã hội và trách nhiệm pháp lý của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Năm 2025, Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 triển khai thi hành Luật Thủ đô số

39/2024/QH15. Đây là lần đầu tiên ban hành 01 Nghị quyết về thử nghiệm có kiểm soát, đã bước đầu tạo cơ sở cho hoạt động thử nghiệm có kiểm soát trên địa bàn Thành phố. Tuy nhiên, Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 đã mở rộng và bổ sung yêu cầu mới về thử nghiệm có kiểm soát như: chính sách khuyến khích, hỗ trợ, tài trợ cho hoạt động thử nghiệm có kiểm soát; nguồn kinh phí bảo đảm cho hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia vào phê duyệt, hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm; việc sử dụng cơ sở dữ liệu của các cơ quan nhà nước, cơ sở hạ tầng, tài sản công để hỗ trợ thử nghiệm có kiểm soát; chính sách ưu tiên mua sắm, đầu tư từ nguồn ngân sách Thành phố và hỗ trợ phát triển thị trường đối với dự án thử nghiệm có kiểm soát được đánh giá đạt hiệu quả. Do đó, cần ban hành Nghị quyết mới để thay thế, cập nhật, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho giai đoạn mới.

Việc ban hành Nghị quyết là cần thiết nhằm: (i) cụ thể hóa khoản 1 Điều 19 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16; (ii) thiết lập trình tự, thủ tục thống nhất, minh bạch, khả thi cho việc cho phép, gia hạn, điều chỉnh, tạm dừng, chấm dứt, hoàn thành thử nghiệm; (iii) bảo vệ người tham gia thử nghiệm, dữ liệu cá nhân, dữ liệu công, tài sản công và lợi ích công cộng; (iv) quy định cơ chế hỗ trợ, tài trợ, kiểm soát, đánh giá và chính sách sau thử nghiệm; (v) tạo căn cứ tổng kết thực tiễn, kiến nghị hoàn thiện pháp luật và nhân rộng mô hình hiệu quả.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

Việc ban hành Nghị quyết nhằm cụ thể hóa thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố tại khoản 1 Điều 19 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16, tạo cơ sở pháp lý thống nhất để Thành phố tiếp nhận, thẩm định, cho phép, hướng dẫn, kiểm soát, đánh giá, chấm dứt, hoàn thành và công nhận hiệu quả đối với các dự án thử nghiệm có kiểm soát trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Thiết lập cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với công nghệ, quy trình, giải pháp, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới và các mô hình khác trong phạm vi, thời gian, không gian, đối tượng và điều kiện cụ thể. Cơ chế này cho phép Thành phố kiểm chứng thực tiễn các nội dung đổi mới sáng tạo trước khi xem xét áp dụng chính thức, nhân rộng hoặc kiến nghị hoàn thiện pháp luật, đồng thời hạn chế rủi ro đối với người dân, doanh nghiệp, dữ liệu, tài sản công, trật tự xã hội và lợi ích công cộng.

Tháo gỡ có kiểm soát các vướng mắc pháp lý đối với những nội dung pháp luật chưa có quy định đầy đủ, chưa phù hợp với thực tiễn hoặc chưa đủ cơ sở triển khai đại trà; bảo đảm việc thử nghiệm không bị lợi dụng để hợp thức hóa vi phạm pháp luật, né tránh điều kiện kinh doanh, tạo độc quyền, hạn chế cạnh tranh hoặc làm ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại, trật tự, an toàn xã hội và sức khỏe cộng đồng.

Quy định cơ chế khuyến khích, hỗ trợ, tài trợ cho hoạt động thử nghiệm có kiểm soát; cơ chế sử dụng cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số, nền tảng số, không gian thử nghiệm, tài sản công và các nguồn lực công hợp pháp khác để hỗ trợ thử nghiệm; đồng thời bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, đúng mục tiêu, đúng đối tượng, không hỗ trợ trùng lặp, có kiểm tra, giám sát, thanh toán, quyết toán và thu hồi hỗ trợ khi vi phạm.

Tạo cơ chế chuyển hóa kết quả thử nghiệm thành chính sách phát triển sau thử nghiệm. Đối với dự án được đánh giá đạt hiệu quả, Thành phố có căn cứ xem xét hỗ trợ phát triển thị trường, thương mại hóa, kết nối nhà đầu tư, tiêu chuẩn hóa, kiểm định, bảo hộ sở hữu trí tuệ, áp dụng chính thức, nhân rộng hoặc ưu tiên đưa vào danh mục nhiệm vụ, đặt hàng, mua sắm, giao nhiệm vụ, đầu tư từ ngân sách Thành phố theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết được ban hành để thay thế, cập nhật, hoàn thiện cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đã được quy định tại Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND, bảo đảm phù hợp với Luật Thủ đô số 02/2026/QH16, yêu cầu triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 68-NQ/TW và định hướng phát triển Hà Nội trở thành trung tâm lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển kinh tế - xã hội của cả nước.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Nghị quyết gồm 4 chương, 31 Điều, 04 Phụ lục.

4.1. Chương I - Những quy định chung, gồm 3 Điều.

Chương này quy định về phạm vi áp dụng, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ.

4.2. Chương II – Mục tiêu, điều kiện, tiêu chí, thời gian, không gian, phạm vi, việc tạm thời không áp dụng quy định pháp luật trong thử nghiệm có kiểm soát, gồm 4 Điều.

Điều 4 quy định mục tiêu của thử nghiệm có kiểm soát.

Điều 5 quy định về điều kiện, tiêu chí đối với thử nghiệm có kiểm soát.

Điều 6 quy định về thời gian, không gian, phạm vi và đối tượng thử nghiệm có kiểm soát.

Điều 7 quy định xác định tạm thời không áp dụng một số quy định pháp luật

4.3. Chương III – trình tự, thủ tục thử nghiệm có kiểm soát, gồm 8 Điều.

Điều 8 quy định tiếp nhận, thẩm định hồ sơ.

Điều 9 quy định hồ sơ và trình tự thủ tục.

Điều 10 quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục gia hạn thử nghiệm.

Điều 11 quy định Hồ sơ, trình tự, thủ tục điều chỉnh thử nghiệm.

Điều 12 quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục tạm dừng thử nghiệm.

Điều 13 quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục chấm dứt trước hạn.

Điều 14 quy định trình tự, thủ tục hoàn thành.

Điều 15 quy định kinh phí, nội dung, mức chi cho thẩm định, phê duyệt, hướng dẫn, kiểm soát và đánh giá hoạt động thử nghiệm có kiểm soát

4.4. Chương IV – Hướng dẫn, giám sát, kiểm soát, bảo vệ người tham gia thử nghiệm gồm 4 Điều

Điều 16 quy định trách nhiệm của cơ quan hướng dẫn, giám sát, kiểm soát quá trình thử nghiệm.

Điều 17 quy định giám sát, báo cáo trong quá trình thử nghiệm.

Điều 18 quy định bảo vệ người tham gia thử nghiệm và tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 19 quy định trách nhiệm và xử lý rủi ro trong quá trình thử nghiệm.

4.5. Chương V – Chính sách khuyến khích, hỗ trợ, tài trợ hoạt động thử nghiệm có kiểm soát gồm 4 Điều

Điều 20 quy định nội dung, mức hỗ trợ, tài trợ.

Điều 21 quy định hỗ trợ sử dụng dữ liệu, hạ tầng, tài sản công.

Điều 22 quy định phương thức hỗ trợ, tài trợ.

Điều 23 quy định Quản lý, kiểm tra, thu hồ hỗ trợ, tài trợ.

4.6. Chương VI – Chính sách ưu tiên mua sắm, đầu tư từ ngân sách thành phố và hỗ trợ phát triển thị trường đối với sản phẩm của dự án thử nghiệm có kiểm soát gồm 2 Điều

Điều 24 quy định chính sách ưu tiên, mua sắm, đầu tư từ ngân sách thành phố và hỗ trợ phát triển thị trường.

Điều 25 quy định kiến nghị hoàn thiện pháp luật.

Chương II – Tổ chức và thực hiện

Điều 26 quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 27 quy định trách nhiệm của tổ chức thực hiện thử nghiệm.

Điều 28 Trách nhiệm của hội đồng thẩm định, hội đồng đánh giá, chuyên gia, nhà khoa học.

Điều 29 quy định tổ chức thực hiện.

Điều 30. Quy định điều khoản thi hành.

Điều 31 quy chế chuyển tiếp.

5. Điểm mới, quy định vượt trội so với pháp luật hiện hành

Nghị quyết 26/2026/NQ-HĐND ngày 02/6/2026 quy định về thử nghiệm có kiểm soát tại thành phố Hà Nội hướng tới một chính sách thử nghiệm có kiểm soát đầy đủ, toàn diện hơn so với Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 và các địa phương khác đang triển khai chính sách về thử nghiệm có kiểm soát.

Các chính sách cụ thể như sau:

5.1. Đối tượng của thử nghiệm có kiểm soát

Đối tượng áp dụng là công nghệ, quy trình, giải pháp, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới và các mô hình khác.

5.2. Thời gian hoàn tất thẩm định cho phép thử nghiệm có kiểm soát

Sở KH&CN là đầu mối tiếp nhận hồ sơ đề xuất thử nghiệm có kiểm soát

Thời gian hoàn tất thẩm định là 30 ngày đối với hồ sơ hợp lệ, trường hợp phương án thử nghiệm phức tạp, liên quan nhiều lĩnh vực cần đánh giá kỹ thuật chuyên sâu thì thời hạn tối đa thêm 15 ngày.

5.3. Hỗ trợ, tài trợ tài chính trong thời gian thử nghiệm

Quy định các mức hỗ trợ cụ thể: tối đa 50% kinh phí thực tế triển khai dự án giải quyết yêu cầu quản lý nhà nước của Thành phố; tối đa 70% chi phí hợp lệ cho tư vấn pháp lý, kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn, bảo hộ sở hữu trí tuệ, dữ liệu, quản trị rủi ro; tối đa 70% chi phí hợp lệ cho chuyên gia, tư vấn, đo kiểm, kiểm định, chứng nhận, đánh giá an toàn/tác động/độc lập; tối đa 100% chi phí hợp lệ cho truyền thông, kết nối thị trường, nhà đầu tư, thương mại hóa, xúc tiến; hỗ trợ 50% kinh phí mua bảo hiểm bắt buộc.

5.4. Hỗ trợ phi tài chính - dữ liệu, hạ tầng, nền tảng, tài sản công, chuyên gia

Tổ chức thử nghiệm được xem xét sử dụng có thời hạn cơ sở dữ liệu cơ quan nhà nước, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số, nền tảng số, phòng thí nghiệm, khu thử nghiệm, tuyến phố, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm công nghiệp văn hóa, cơ sở y tế, giáo dục, giao thông, cơ sở công lập, không gian công cộng, tài sản công. Việc sử dụng phải xác định rõ mục đích, phạm vi, thời hạn, nghĩa vụ tài chính, trách nhiệm bảo mật, hoàn trả, khôi phục hiện trạng, bồi thường; ưu tiên dữ liệu mở, dữ liệu tổng hợp, dữ liệu dùng chung, dữ liệu đã ẩn danh.

5.5. Chính sách sau thử nghiệm thành công - mua sắm, đầu tư, thị trường

Tổ chức thử nghiệm được xem xét sử dụng có thời hạn cơ sở dữ liệu cơ quan nhà nước, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số, nền tảng số, phòng thí nghiệm, khu thử nghiệm, tuyến phố, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm công nghiệp văn hóa, cơ sở y tế, giáo dục, giao thông, cơ sở công lập, không gian công cộng, tài sản công. Việc sử dụng phải xác định rõ mục đích, phạm vi, thời hạn, nghĩa vụ tài chính, trách nhiệm bảo mật, hoàn trả, khôi phục hiện trạng, bồi thường; ưu tiên dữ liệu mở, dữ liệu tổng hợp, dữ liệu dùng chung, dữ liệu đã ẩn danh.

5.6. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật và cơ sở dữ liệu kết quả thử nghiệm

Sau mỗi dự án hoàn thành, cơ quan thẩm định chủ trì lấy ý kiến hoặc thành lập hội đồng hoàn thiện pháp luật để tổng hợp kiến nghị sửa đổi tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn quốc gia, quy trình quản lý, điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính, chính sách hỗ trợ, mua sắm, đầu tư, phát triển thị trường. UBND Thành phố báo cáo HĐND và kiến nghị Chính phủ, bộ, ngành, Quốc hội hoặc cơ quan có thẩm quyền. Thành phố xây dựng cơ sở dữ liệu dự án thử nghiệm, gồm hồ sơ, quyết định, quy chế,

kết quả, chỉ số đánh giá, bài học quản lý, kiến nghị hoàn thiện pháp luật, chính sách sau thử nghiệm.

Với Nghị quyết 26/2026/NQ-HĐND, Hà Nội đặt mục tiêu là nơi thử nghiệm có kiểm soát những công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh, mô hình khác hoàn toàn mới, tiên tiến có tính đổi mới sáng tạo và hiện thực hóa khát vọng xây dựng Hà Nội trở thành **trung tâm đổi mới sáng tạo, dẫn dắt phát triển vùng và cả nước**./.

NỘI DUNG TÀI LIỆU CHUYÊN ĐỀ PHÁP LUẬT

Nghị quyết số 58/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Tên Nghị quyết

Nghị quyết số 58/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội “Quy định chính sách phát triển khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn thành phố Hà Nội (thực hiện điểm b, e, g khoản 2 Điều 18 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16)”.

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

Việc ban hành Nghị quyết số 58/2026/NQ-HĐND được đặt trên nền tảng vững chắc của nhiều chủ trương lớn của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Về cơ sở chính trị và định hướng chính sách, có các nghị quyết, chủ trương quan trọng của Đảng và Chính phủ như:

- **Nghị quyết số 02-NQ/TW (17/3/2026)** về xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội trong kỷ nguyên mới;
- **Nghị quyết số 57-NQ/TW (22/12/2024)** về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- **Nghị quyết số 68-NQ/TW (04/5/2025)** về phát triển kinh tế tư nhân;
- **Nghị quyết số 86-NQ/TW (04/5/2025)** về Chiến lược quốc gia về khởi nghiệp sáng tạo.

Về **cơ sở pháp lý**, Quốc hội đã thông qua nhiều đạo luật quan trọng, trong đó có Luật Thủ đô số 02/2026/QH16; Luật Khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; Luật Sở hữu trí tuệ; Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản có liên quan. Các quy định này tạo hành lang pháp lý để Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội ban hành cơ chế, chính sách đặc thù phát triển khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và thương mại hóa sản phẩm, kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phù hợp đặc thù Thủ đô.

Về **cơ sở thực tiễn**, Hà Nội là trung tâm lớn về khoa học, công nghệ, giáo dục, đào tạo, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế; có mật độ cao các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp công nghệ, tổ chức trung gian, chuyên gia và nguồn nhân lực chất lượng cao. Tuy nhiên, thực tiễn cũng đặt ra yêu cầu phải khắc phục tình trạng kết quả nghiên cứu chậm được thương mại hóa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo còn thiếu nguồn lực hoàn thiện sản phẩm, thị trường đổi mới sáng tạo chưa phát triển đồng bộ, quyền sở hữu trí tuệ chưa được khai thác tương xứng với tiềm năng, cơ chế sử dụng tài sản trí tuệ trong cơ sở công lập còn thiếu công cụ vận hành phù hợp.

Trước yêu cầu phát triển nhanh và bền vững, Nghị quyết 57-NQ/TW xác

định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đột phá chiến lược hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển Thủ đô trong thời kỳ mới. Đồng thời, Nghị quyết số 86/NQ-CP ngày 05/4/2026 của Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về khởi nghiệp sáng tạo đã xác định khởi nghiệp sáng tạo là chiến lược quốc gia dài hạn, là sự nghiệp của cả hệ thống chính trị, của toàn dân; khởi nghiệp dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là trụ cột, là cơ hội để bứt phá. Chiến lược nhấn mạnh yêu cầu khơi dậy văn hóa đổi mới sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp, dám nghĩ, dám làm, chấp nhận rủi ro, khoan dung với thất bại; đồng thời xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo phát triển đồng bộ, toàn diện và bền vững, trong đó thể chế giữ vai trò tiên phong, kiến tạo và đột phá.

Xuất phát từ thực tiễn triển khai và kết quả đạt được của hoạt động phát triển khoa học và công nghệ của Thành phố giai đoạn vừa qua, sự cần thiết triển khai thực hiện các chủ trương, định hướng, mục tiêu phát triển khoa học và công nghệ của Trung ương về *“Xây dựng và phát triển Thủ đô thực sự xứng đáng là trung tâm đầu não chính trị - hành chính quốc gia, trái tim của cả nước; trung tâm lớn về kinh tế, văn hoá, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ và hội nhập quốc tế”*¹, *“tập trung ưu tiên hoàn thiện thể chế phát triển Thủ đô toàn diện, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững và hội nhập quốc tế”*, *“thể chế là điều kiện tiên quyết, cần hoàn thiện và đi trước một bước”*, xác định *“Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới”*, yêu cầu *“Tiếp tục thể chế hoá đầy đủ và thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về phát triển giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia”*², cũng như hướng tới các mục tiêu phát triển của Thành phố trong lĩnh vực khoa học và công nghệ:

Mục tiêu đến năm 2030, Hà Nội phấn đấu: Kinh tế số chiếm 40% GRDP; Tỷ lệ chi cho R&D đạt 2% GRDP, trong đó 60% từ xã hội; Chi ngân sách cho KH&CN đạt 3% tổng chi ngân sách; Luôn dẫn đầu cả nước về đổi mới sáng tạo; Số lượng đơn đăng ký sáng chế tăng trung bình 16 - 18%/năm; Thu hút ít nhất 200 chuyên gia, nhà khoa học Việt Nam ở nước ngoài hợp tác cùng Thành phố.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

Triển khai cụ thể hóa điểm b, điểm e, điểm g khoản 2 Điều 18 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16; Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 86/NQ-CP của Chính phủ về Chiến lược quốc gia về khởi nghiệp sáng tạo; Luật Khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; hoàn thiện cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện cụ thể của thành phố Hà Nội, đồng thời xây dựng các chính sách đặc thù, vượt trội để thúc đẩy phát triển khởi nghiệp sáng

¹ Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị.

² Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.

tạo, đổi mới sáng tạo, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và thương mại hóa sản phẩm, kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ trên địa bàn Thành phố.

Hình thành hệ thống chính sách hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm, đúng đối tượng, đúng điều kiện, gắn với sản phẩm đầu ra và kết quả thực hiện; khuyến khích hợp tác giữa Nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức trung gian, chuyên gia, nhà đầu tư; hạn chế hỗ trợ dàn trải, trùng lặp hoặc mang tính bao cấp kéo dài.

Chuyển mạnh từ hỗ trợ theo đầu vào sang hỗ trợ gắn với kết quả đầu ra và hiệu quả thực hiện, từ hỗ trợ đơn lẻ sang hỗ trợ theo chuỗi giá trị đổi mới sáng tạo; tạo điều kiện để cá nhân, nhóm cá nhân, hộ kinh doanh, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và tổ chức, doanh nghiệp có dự án đổi mới sáng tạo được tiếp cận tư vấn, cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, không gian làm việc, hạ tầng dùng chung, hoạt động huấn luyện, thử nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, kết nối thị trường và thương mại hóa sản phẩm.

Tạo lập thị trường ban đầu và cơ hội ứng dụng thực tiễn cho sản phẩm, dịch vụ đổi mới sáng tạo thông qua cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ, mua sắm hoặc sử dụng thử sản phẩm, dịch vụ đáp ứng yêu cầu phục vụ quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công, phát triển kinh tế - xã hội hoặc giải quyết các vấn đề thực tiễn của Thành phố; qua đó giúp sản phẩm đổi mới sáng tạo có cơ hội được kiểm chứng, hoàn thiện, mở rộng ứng dụng và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Nghị quyết số 58/2026/NQ-HĐND về chính sách phát triển khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn thành phố Hà Nội được ban hành là một bước cụ thể hóa quan trọng Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 và Luật Khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15, nhằm tạo lập môi trường thuận lợi, đồng bộ và có tính đột phá cho các chủ thể đổi mới sáng tạo phát triển; góp phần xây dựng Hà Nội trở thành trung tâm khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo và khai thác tài sản trí tuệ hàng đầu cả nước, có sức lan tỏa trong khu vực.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Nghị quyết gồm 4 chương, 30 điều và 03 phụ lục.

4.1. Chương I - Quy định chung, gồm 04 Điều

Chương I quy định phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ và nguyên tắc thực hiện chính sách.

4.2. Chương II - Phát triển khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, gồm 11 Điều

Chương này quy định các chính sách phát triển khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ theo điểm b khoản 2 Điều 18 Luật Thủ đô; trong đó cơ chế giao trực tiếp nhiệm vụ đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách Thành phố tại Điều 11 cụ thể hóa điểm e khoản 2 Điều 18 Luật Thủ đô.

Mục 1 quy định chính sách phát triển khởi nghiệp sáng tạo.

Điều 5 quy định điều kiện hỗ trợ đối với cá nhân, nhóm cá nhân, hộ kinh doanh, doanh nghiệp có dự án khởi nghiệp sáng tạo.

Điều 6 quy định nội dung hỗ trợ đối với khởi nghiệp sáng tạo.

Mục 2 quy định chính sách phát triển đổi mới sáng tạo, gồm Điều 7 đến Điều 13.

Điều 7 quy định chính sách hỗ trợ dự án đổi mới sáng tạo.

Điều 8 quy định cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ, mua sắm sản phẩm, dịch vụ đổi mới sáng tạo.

Điều 9 quy định hỗ trợ nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Điều 10 quy định việc sử dụng hạ tầng, cơ sở vật chất, tài sản công để hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo.

Điều 11 quy định trường hợp giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách Thành phố để cụ thể hóa điểm e khoản 2 Điều 18 Luật Thủ đô 2026.

Điều 12 quy định điều kiện công nhận Trung tâm đổi mới sáng tạo trên địa bàn Thành phố.

Điều 13 quy định thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo.

Mục 3 quy định chính sách bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Điều 14 và **Điều 15** quy định chính sách bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, bao gồm hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản trị quyền sở hữu trí tuệ và hỗ trợ phòng, chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

4.3. Chương III - Thành lập, quản lý, điều hành, góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, gồm 07 điều

Chương này quy định chi tiết điểm g khoản 2 Điều 18 Luật Thủ đô 2026.

Điều 16 quy định điều kiện được thành lập, tham gia thành lập, tham gia quản lý, điều hành, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ.

Điều 17 quy định về tài sản góp vốn và xác định giá trị tài sản góp vốn.

Điều 18 quy định Đề án thành lập, tham gia thành lập, tham gia quản lý, điều hành, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp.

Điều 19 quy định thẩm quyền quyết định thành lập, tham gia thành lập, tham gia quản lý, điều hành, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp.

Điều 20 quy định điều kiện đối với viên chức, quyền và nghĩa vụ của viên chức tham gia góp vốn, quản lý, điều hành doanh nghiệp.

Điều 21 quy định quản lý phần vốn góp, xử lý rủi ro và thoái vốn.

Điều 22 quy định nội dung và mức hỗ trợ.

4.4. Chương IV - Tổ chức thực hiện, gồm 08 điều nhằm bảo đảm tính đồng bộ, hiệu quả trong triển khai thực hiện

Chương này quy định cơ chế tiếp nhận, thẩm định, đánh giá hồ sơ; kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả sau hỗ trợ; trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ hỗ trợ, tổ chức, cá nhân được hỗ trợ; tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành.

Ủy ban nhân dân Thành phố được giao tổ chức triển khai đồng bộ các nội dung của Nghị quyết, bao gồm:

- Quyết định mức hỗ trợ cụ thể tùy thuộc khả năng cân đối nguồn lực;
- Ban hành danh mục lĩnh vực ưu tiên hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo;
- Ban hành danh mục bài toán đổi mới sáng tạo;
- Ban hành hướng dẫn trình tự xây dựng, phê duyệt đề án thành lập, tham gia thành lập, quản lý, điều hành, góp vốn vào doanh nghiệp; các điều kiện khác trong sử dụng tài sản góp vốn, phân chia lợi nhuận và xử lý rủi ro; quy chế quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách Thành phố;
- Ban hành quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền công nhận Trung tâm đổi mới sáng tạo; quy định chi tiết hợp đồng hỗ trợ và các quy trình, mẫu biểu, nội dung cần thiết khác để tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 01/7/2026, đánh dấu một giai đoạn mới trong quản lý và phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Hà Nội - thủ đô tri thức, sáng tạo và hội nhập quốc tế.

5. Điểm mới, quy định vượt trội so với pháp luật hiện hành

Nghị quyết số 58/2026/NQ-HĐND quy định hệ thống chính sách hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ theo hướng linh hoạt, có trọng tâm, gắn với sản phẩm đầu ra, hiệu quả thực hiện và huy động nguồn lực xã hội cho phát triển Thủ đô.

Các chính sách cụ thể như sau:

Khái quát có thể thấy, Nghị quyết số 58/2026/NQ-HĐND có 05 nhóm chính sách lớn, nổi bật sau:

Một là, hoàn thiện cơ chế hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo theo vòng đời dự án. Nghị quyết mở rộng đối tượng được hỗ trợ đến cá nhân, nhóm cá nhân, hộ kinh doanh và doanh nghiệp có dự án khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ tư vấn chuyên gia, sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, không gian làm việc, hạ tầng dùng chung, tham gia huấn luyện, kết nối, trình diễn, giới thiệu sản phẩm; đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong đăng ký, xác lập quyền sở hữu trí tuệ, đăng ký chất lượng sản phẩm, dịch vụ và hỗ trợ doanh nghiệp một người sử dụng chữ ký số, hóa đơn điện tử, phần mềm kế toán, nền tảng quản trị doanh nghiệp trong giai đoạn đầu hoạt động.

Hai là, tạo cơ chế để sản phẩm, dịch vụ đổi mới sáng tạo có môi trường thử nghiệm và thị trường ứng dụng ban đầu. Nghị quyết hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp sử dụng hạ tầng nghiên cứu, thử nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số, cơ sở dữ liệu, nền tảng số; đồng thời quy định cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ, mua sắm hoặc sử dụng thử sản phẩm, dịch vụ đổi mới sáng tạo phục vụ quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công, phát triển kinh tế - xã hội hoặc giải quyết các vấn đề thực tiễn của Thành phố. Đây là điểm mới quan trọng, giúp Nhà nước đóng vai trò kiến tạo thị trường và tạo đầu ra cho đổi mới sáng tạo.

Ba là, thiết lập chuỗi chính sách bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ gắn với nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Nghị quyết không chỉ hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong nước và nước ngoài, mà còn hỗ trợ quản trị, khai thác, phòng chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; ứng dụng công nghệ, nền tảng số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn để nhận diện, giám sát, cảnh báo nguy cơ xâm phạm, truy xuất nguồn gốc, xác thực sản phẩm; đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng, thử nghiệm, chứng nhận và tiếp cận tiêu chuẩn quốc tế.

Bốn là, phát triển thiết chế, không gian và văn hóa đổi mới sáng tạo của Thủ đô. Nghị quyết quy định việc sử dụng hạ tầng, cơ sở vật chất, tài sản công để hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo; quy định điều kiện công nhận Trung tâm đổi mới sáng tạo, Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp Thành phố; đồng thời hỗ trợ chương trình, cuộc thi, giải thưởng, hoạt động kết nối, trình diễn, giới thiệu ý tưởng, sản phẩm, dịch vụ, công nghệ, giải pháp gắn với bài toán đổi mới sáng tạo của Thành phố.

Năm là, tạo đột phá về thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ trong khu vực công. Nghị quyết quy định cơ chế để cơ sở giáo dục đại học công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc Thành phố được thành lập, tham gia thành lập, quản lý, điều hành và góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu; đồng thời quy định cụ thể về tài sản góp vốn, xác định giá trị tài sản góp vốn, đề án thành lập hoặc tham gia doanh nghiệp, thẩm quyền quyết định, quyền và nghĩa vụ của viên chức, quản lý phần vốn góp, xử lý rủi ro, thoái vốn và hỗ trợ chi phí tư vấn, lập hồ sơ, chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ, thành lập doanh nghiệp, xác định giá tài sản góp vốn.

Cùng với các chính sách nêu trên, Nghị quyết thiết lập cơ chế tiếp nhận, thẩm định, đánh giá hồ sơ; kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả sau hỗ trợ. Cách tiếp cận này chuyển trọng tâm từ hỗ trợ dàn trải sang hỗ trợ có điều kiện, có sản phẩm đầu ra, có hậu kiểm, bảo đảm công khai, minh bạch và nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước./.

TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN

Nghị quyết số 59/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định chính sách thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trên địa bàn thành phố Hà Nội

1. Tên Nghị quyết

Nghị quyết số 59/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội “Quy định chính sách thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trên địa bàn thành phố Hà Nội” (thực hiện điểm b, điểm e khoản 2 Điều 18 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16).

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn ban hành Nghị quyết

Việc ban hành Nghị quyết số 59/2026/NQ-HĐND được đặt trên cơ sở các chủ trương, định hướng lớn về phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, công nghiệp công nghệ số và yêu cầu xây dựng Thủ đô Hà Nội phát triển nhanh, bền vững, hiện đại.

Về **cơ sở chính trị**, có các Nghị quyết quan trọng của Bộ Chính trị như:

- Nghị quyết số 15-NQ/TW (05/5/2022) về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội;
- Nghị quyết số 57-NQ/TW (22/12/2024) về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 68-NQ/TW (04/5/2025) về phát triển kinh tế tư nhân.

Về cơ sở pháp lý, Nghị quyết được ban hành căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Luật Thủ đô số 02/2026/QH16; Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15, được sửa đổi, bổ sung; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15; Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15; Luật Khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15; Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15; Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15 và các văn bản có liên quan.

Về cơ sở thực tiễn, chuyển đổi số đã trở thành động lực quan trọng để đổi mới phương thức quản trị, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; đồng thời mở ra không gian phát triển mới cho sản phẩm, dịch vụ công nghệ số của Thủ đô. Hà Nội có nhu cầu cấp thiết về hạ tầng số, dữ liệu dùng chung, nền tảng số, kỹ năng số, dịch vụ số trên nền tảng Công dân Thủ đô số iHanoi và các cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, người dân tham gia môi trường số. Mục tiêu đến năm 2030, Hà Nội phấn đấu: Kinh tế số chiếm 40% GRDP.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

- a) Mục đích, ý nghĩa của việc ban hành Nghị quyết

Nghị quyết số 59/2026/NQ-HĐND là văn bản cụ thể hóa thẩm quyền đặc thù được Luật Thủ đô giao cho Thành phố, nhằm thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số và hình thành các cơ chế hỗ trợ phù hợp với điều kiện thực tiễn của Hà Nội.

b) Tác động của Nghị quyết:

- Tạo hành lang pháp lý để Thành phố hỗ trợ nâng cao năng lực số trong đội ngũ chính trị, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyển đổi số và phát triển thương mại điện tử.

- Khuyến khích phát triển, làm chủ, xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; khai thác hiệu quả nguồn lực số của Thành phố; thúc đẩy các công nghệ nền tảng phục vụ quản lý và phát triển tài sản số.

- Việc quy định áp dụng cơ chế chỉ định thầu đối với một số nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số giúp bảo đảm tính đồng bộ, liên thông của hệ thống, lựa chọn giải pháp phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, an toàn thông tin và kiến trúc số của Thành phố.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Nghị quyết gồm 4 chương, 15 Điều.

4.1. Chương I - Những quy định chung, gồm 4 Điều.

Chương này quy định phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nguyên tắc áp dụng và giải thích từ ngữ.

4.2. Chương II - Chính sách thúc đẩy chuyển đổi số, gồm 4 Điều.

Chương này tập trung vào các vấn đề như: đưa ra các chính sách để phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

Điều 5 quy định các trường hợp chỉ định thầu đối với nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số, ứng dụng công nghệ thông tin có sử dụng ngân sách Thành phố. Các nhóm gói thầu được quy định tập trung vào hạ tầng số và dữ liệu dùng chung; nền tảng số dùng chung; ứng dụng, nghiệp vụ dùng chung; và các sản phẩm công nghệ thông tin chưa có sẵn trên thị trường đã được cho phép thử nghiệm hoặc sản phẩm dự án thử nghiệm có kiểm soát được đánh giá đạt hiệu quả.

Điều 6 quy định hỗ trợ nâng cao năng lực số và điều kiện làm việc trên môi trường số cho đội ngũ trong hệ thống chính trị Thành phố. Đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong hệ thống chính trị được hỗ trợ chi phí tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số; cán bộ lãnh đạo, quản lý đáp ứng điều kiện được hỗ trợ một lần chi phí trang bị máy vi tính xách tay hoặc máy tính bảng phục vụ công việc trên môi trường số.

Điều 7 quy định hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyển đổi số và phát triển thương mại điện tử thông qua phiếu hỗ trợ chuyển đổi số, phiếu hỗ trợ thương mại điện tử; không hỗ trợ trực tiếp bằng tiền

mặt; kinh phí hỗ trợ được chi trả cho nhà cung cấp đủ điều kiện sau khi đối tượng thụ hưởng sử dụng sản phẩm, dịch vụ và xác nhận kết quả.

Điều 8 quy định hỗ trợ phát triển xã hội số, trong đó người dân được hỗ trợ tham gia đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn kỹ năng số cơ bản; Thành phố hỗ trợ xây dựng học liệu số và tổ chức đào tạo cho các nhóm cần ưu tiên như người cao tuổi, người khuyết tật, hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng yếu thế, người lao động tại khu công nghiệp hoặc khu vực cần nâng cao kỹ năng số; đồng thời cung cấp dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số, tiện ích số trên nền tảng Công dân Thủ đô số iHanoi.

4.3. Chương III - Chính sách thúc đẩy phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, gồm 3 điều.

Điều 9 quy định Thành phố hỗ trợ tối đa 50% chi phí khai thác nguồn lực số của Thành phố, chi phí sử dụng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển cho doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học nghiên cứu, phát triển, làm chủ, thử nghiệm, sản xuất thử, hoàn thiện sản phẩm đối với các công nghệ số ưu tiên.

Điều 10 quy định hỗ trợ xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ công nghệ số. Đối tượng được hỗ trợ là doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học trong nước có hoạt động trên địa bàn Thành phố, có sản phẩm, dịch vụ công nghệ số đáp ứng điều kiện theo Nghị quyết. Nội dung hỗ trợ gồm khảo sát thị trường, tư vấn hoàn thiện mô hình kinh doanh, pháp lý, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, chứng nhận, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin, an ninh mạng, kết nối khách hàng, đối tác, nhà đầu tư, kênh phân phối, tham gia hội chợ, triển lãm, diễn đàn, xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm.

Điều 11 quy định cơ chế, chính sách phát triển tài sản số. Thành phố hỗ trợ khai thác, sử dụng nguồn lực số đối với tổ chức nghiên cứu, phát triển công nghệ nền tảng phục vụ quản lý và phát triển tài sản số; đồng thời quy định chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với tổ chức hoạt động hợp pháp trong lĩnh vực tài sản mã hóa khi đáp ứng điều kiện, đặt trụ sở hoặc trung tâm hoạt động trên địa bàn Thành phố và tuân thủ quy định pháp luật.

4.4. Chương IV - Tổ chức thực hiện, gồm 4 Điều.

Quy định về trách nhiệm của đối tượng được hưởng chính sách, kinh phí thực hiện, trách nhiệm của UBND Thành phố và các cơ quan liên quan trong triển khai Nghị quyết:

- Chương này yêu cầu đối tượng thụ hưởng sử dụng kinh phí, tài sản, dữ liệu, hạ tầng và các hình thức hỗ trợ đúng mục đích, đúng nội dung được phê duyệt; nếu sử dụng sai, kê khai không trung thực hoặc không đáp ứng điều kiện thì bị xem xét chấm dứt hỗ trợ, thu hồi kinh phí và xử lý theo quy định.

- UBND Thành phố có trách nhiệm ban hành kế hoạch, quy trình, thủ tục, tiêu chí, hồ sơ, biểu mẫu, đồng thời giao cơ quan chuyên môn tổ chức thực hiện chính sách.

- Quy định cơ chế theo dõi, đánh giá hiệu quả hằng năm; trách nhiệm giám sát của HĐND, MTTQ và các cơ quan liên quan;

- Kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ được bảo đảm từ ngân sách Thành phố và các nguồn hợp pháp khác.

5. Những điểm mới, nội dung trọng tâm cần tuyên truyền

Nghị quyết số 59/2026/NQ-HĐND có nhiều nội dung mới, thiết thực, tác động trực tiếp đến cơ quan nhà nước, đội ngũ trong hệ thống chính trị, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và người dân trên địa bàn Thành phố.

5.1. Cơ chế chỉ định thầu đối với một số nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số giúp bảo đảm tính đồng bộ, liên thông của hệ thống, lựa chọn giải pháp phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, an toàn thông tin và kiến trúc số của Thành phố.

Nghị quyết cho phép áp dụng hình thức chỉ định thầu đối với một số gói thầu thuộc nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số, ứng dụng công nghệ thông tin có sử dụng ngân sách Thành phố. Các nhóm nhiệm vụ tập trung vào hạ tầng trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, tính toán hiệu năng cao, mạng WAN, Internet vạn vật (IoT), hệ thống SOC, IOC, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, liên ngành, dữ liệu dùng chung, kho dữ liệu tập trung, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu, nền tảng trí tuệ nhân tạo, bản đồ số, bản sao số đô thị, quản lý tài nguyên, nền tảng Công dân Thủ đô số, không gian làm việc số và công dữ liệu Thành phố.

Việc áp dụng cơ chế này phải đáp ứng điều kiện về tuân thủ Luật An ninh mạng, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân; có kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt; có kế hoạch bố trí vốn; có dự toán gói thầu được phê duyệt khi pháp luật chuyên ngành yêu cầu.

5.2. Hỗ trợ trực tiếp cho đội ngũ trong hệ thống chính trị nâng cao năng lực số

Đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong hệ thống chính trị Thành phố được hỗ trợ chi phí tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số khi chủ động trang bị kiến thức và có chứng chỉ hoặc chứng nhận phù hợp. Mức hỗ trợ theo chi phí thực tế nhưng tối đa không quá 3.000.000 đồng/người/năm.

Cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý theo quy định được hỗ trợ một lần chi phí trang bị máy vi tính xách tay hoặc máy tính bảng để phục vụ xử lý, điều hành, chỉ đạo công việc từ xa trên môi trường số, với mức hỗ trợ một lần là 20.000.000 đồng/người. Người được hỗ trợ có trách nhiệm sử dụng thiết bị phục vụ công việc và bảo đảm yêu cầu an toàn thông tin, an ninh mạng.

5.3. Phiếu hỗ trợ chuyển đổi số, thương mại điện tử và xã hội số

Nghị quyết quy định cơ chế hỗ trợ thông qua phiếu hỗ trợ điện tử, không hỗ trợ trực tiếp bằng tiền mặt. Phiếu hỗ trợ là chứng từ điện tử xác nhận đối tượng thụ hưởng, nội dung hỗ trợ, mức kinh phí hỗ trợ tối đa và thời hạn hỗ trợ; không phải là tiền, phương tiện thanh toán hoặc giấy tờ có giá; không được chuyển nhượng, mua bán, cho thuê, cho mượn, tặng cho, cầm cố, thế chấp hoặc sử dụng sai mục đích.

Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh được hỗ trợ chi phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ chuyển đổi số và sản phẩm, dịch vụ phát triển thương mại điện tử thông qua phiếu hỗ trợ tương ứng. Mức hỗ trợ tối đa 70% chi phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ hoặc tối đa 100% trong trường hợp Thành phố thực hiện bằng hình thức xã hội hóa, bảo đảm phù hợp với tổng mức dự toán kinh phí được phê duyệt.

Người dân được hỗ trợ chi phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ phát triển xã hội số thông qua phiếu hỗ trợ xã hội số; đồng thời được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn kỹ năng số cơ bản. Đây là cơ chế quan trọng để thu hẹp khoảng cách số, hỗ trợ nhóm yếu thế và lan tỏa kỹ năng số trong cộng đồng.

5.4. Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, làm chủ và xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ công nghệ số

Thành phố hỗ trợ tối đa 50% chi phí khai thác nguồn lực số, chi phí sử dụng phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển cho các chủ thể nghiên cứu, phát triển, làm chủ, thử nghiệm, sản xuất thử và hoàn thiện sản phẩm công nghệ số ưu tiên.

Đối với hoạt động xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, Nghị quyết hỗ trợ các nội dung từ khảo sát, đánh giá thị trường mục tiêu; tư vấn mô hình kinh doanh, chiến lược thương mại hóa, hồ sơ sản phẩm; tư vấn pháp lý, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, chứng nhận, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin, an ninh mạng; kết nối khách hàng, đối tác, nhà đầu tư, kênh phân phối, sàn giao dịch, chợ ứng dụng; tham gia hội chợ, triển lãm, diễn đàn công nghệ, xúc tiến thương mại, truyền thông, quảng bá trong nước và nước ngoài. Mức hỗ trợ tối đa là 50% chi phí hợp lệ.

5.5. Mở hướng phát triển tài sản số trên nền tảng tuân thủ pháp luật

Nghị quyết quy định chính sách phát triển tài sản số, trong đó công nghệ nền tảng phục vụ quản lý và phát triển tài sản số bao gồm công nghệ chuỗi khối, hợp đồng thông minh, token hóa tài sản thực, ví số bảo mật, định danh và xác thực điện tử, công nghệ phòng, chống rửa tiền, truy xuất nguồn gốc, quản lý vòng đời tài sản số và các công nghệ nền tảng khác theo quy định pháp luật.

Các tổ chức hoạt động hợp pháp trong lĩnh vực tài sản mã hóa, khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, chấp thuận, xác nhận đủ điều kiện hoặc cho phép thực hiện, đặt trụ sở chính, trung tâm điều hành, trung tâm công nghệ, trung tâm dữ liệu hoặc trung tâm nghiên cứu và phát triển trên địa bàn

Thành phố và tuân thủ nghiêm ngặt pháp luật về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bảo vệ nhà đầu tư, có thể được xem xét hỗ trợ theo quy định.

6. Trách nhiệm triển khai và thông điệp tuyên truyền

Ủy ban nhân dân Thành phố được giao tổ chức thực hiện và ban hành các văn bản triển khai Nghị quyết, bao gồm kế hoạch, quy trình, thủ tục, tiêu chí, điều kiện, hồ sơ, biểu mẫu, kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả đối với từng chính sách ưu đãi, hỗ trợ. Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ của Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm xây dựng và triển khai theo dự toán ngân sách hằng năm.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố có trách nhiệm giám sát quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện.

Đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ phải kê khai trung thực, sử dụng kinh phí, tài sản, nguồn lực, dữ liệu, hạ tầng, nền tảng và hình thức hỗ trợ đúng mục đích, đúng nội dung được phê duyệt; bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh, quyền sở hữu trí tuệ và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan.

Thông điệp tuyên truyền trọng tâm: Nghị quyết số 59/2026/NQ-HĐND là cơ chế chính sách quan trọng để Hà Nội thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, hình thành môi trường số an toàn, hiện đại, lấy đội ngũ trong hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp làm trung tâm; đồng thời tạo động lực phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, nâng cao năng lực cạnh tranh của Thủ đô trong giai đoạn mới.

Nghị quyết số 59/2026/NQ-HĐND - động lực mới thúc đẩy chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và công nghiệp công nghệ số của Thủ đô Hà Nội./.

NỘI DUNG TÀI LIỆU CHUYÊN ĐỀ PHÁP LUẬT

Nghị quyết số 60/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Tên Nghị quyết

Nghị quyết số 60/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định việc thành lập, cơ chế tổ chức, hoạt động, quản lý Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của thành phố Hà Nội.

2. Cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn đề xuất xây dựng Nghị quyết

Việc ban hành Nghị quyết quy định việc thành lập, cơ chế tổ chức, hoạt động, quản lý Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của thành phố Hà Nội được đặt trên nền tảng vững chắc của nhiều chủ trương lớn của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Về cơ sở chính trị, có các Nghị quyết quan trọng của Bộ Chính trị như:

- **Nghị quyết số 02-NQ/TW (17/3/2026)** về xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội trong kỷ nguyên mới;

- **Nghị quyết số 57-NQ/TW (22/12/2024)** về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Về cơ sở pháp lý, Quốc hội đã thông qua nhiều đạo luật quan trọng, trong đó có **Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15**, **Luật Thủ đô số 02/2026/QH16**, cùng các luật liên quan như Luật Ngân sách nhà nước, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Về cơ sở thực tiễn, ngày 23/4/2026, Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 đã được Quốc hội thông qua, rất nhiều chính sách đột phá cho phát triển KHCN, ĐMST theo Luật Thủ đô mới đã được xây dựng, trong đó có nhiều nội dung chỉ thực hiện thông qua cơ chế Quỹ. Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ là hết sức cần thiết, tạo cơ sở pháp lý để Quỹ được thành lập và sớm đi vào hoạt động.

3. Mục đích, ý nghĩa và tác động của Nghị quyết

Nghị quyết được xây dựng và ban hành nhằm mục tiêu:

- Triển khai cụ thể hóa Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị; Luật Thủ đô số 02/2026/QH16; Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; Tạo cơ sở pháp lý để Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập, tổ chức hoạt động Quỹ Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Hình thành công cụ tài chính công tập trung, linh hoạt, kịp thời để tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hỗ trợ phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, thử nghiệm có kiểm soát và đào tạo

nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ các lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm của Thành phố. Chính sách hướng tới thu hút tổ chức, doanh nghiệp, chuyên gia, nhà khoa học giỏi, người có tài năng tham gia hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố.

4. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Nghị quyết gồm 4 chương, 16 Điều.

4.1. Chương I - Những quy định chung, gồm 5 Điều.

Chương này quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, địa vị pháp lý, mục tiêu hoạt động, nguyên tắc hoạt động của Quỹ.

Điều 3 quy định về địa vị pháp lý của Quỹ: Quỹ do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập; là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, thực hiện tiếp nhận, quản lý, sử dụng nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác để triển khai các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được Thành phố tài trợ, đặt hàng triển khai hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Quỹ có tư cách pháp nhân, có ngân sách hoạt động, có báo cáo tài chính riêng, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

4.2. Chương II – Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Quỹ, gồm 4 Điều.

Điều 6 quy định chức năng của Quỹ: Triển khai tài trợ, đặt hàng thực hiện chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ lãi suất vay để phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo; bảo vệ, quản lý, khai thác và thương mại hóa tài sản trí tuệ; hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ; hỗ trợ phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ thử nghiệm có kiểm soát; hỗ trợ đào tạo nghiên cứu sinh và các hỗ trợ khác theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố và quyết định của cơ quan có thẩm quyền; và các chức năng khác theo quy định hoặc theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 7 quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Quỹ.

Quỹ có nhiệm vụ: ký và quản lý hợp đồng tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ lãi suất vay, đồng tài trợ, đồng đặt hàng và các phương thức hỗ trợ hợp pháp khác đối với chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ, hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tiếp nhận, quản lý, sử dụng đúng mục tiêu, đúng mục đích, hiệu quả các

nguồn tài chính, tài sản và nguồn lực hợp pháp của Quỹ; thực hiện chính sách ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp đã đóng góp vào Quỹ nhưng không làm phát sinh lợi ích trái pháp luật, không làm thay đổi nguyên tắc cạnh tranh.

Điều 8 quy định cơ cấu tổ chức của Quỹ.

Cơ cấu tổ chức của Quỹ bao gồm Hội đồng quản lý Quỹ, Cơ quan điều hành Quỹ và Ban Kiểm soát Quỹ.

Hội đồng quản lý Quỹ quyết định chiến lược, kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính của Quỹ; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ và các vấn đề quan trọng khác; giám sát, kiểm tra hoạt động của Cơ quan điều hành Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ.

Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan thường trực của Hội đồng quản lý Quỹ; chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố, Hội đồng quản lý Quỹ: chiến lược, kế hoạch, định hướng ưu tiên, đề xuất danh mục nhiệm vụ đặt hàng, tài trợ, hỗ trợ; hướng dẫn chuyên môn, kết nối dữ liệu, tổng hợp, báo cáo, đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ, kiểm tra, giám sát theo quy định.

Cơ quan điều hành Quỹ: Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định giao cơ quan, đơn vị hiện có trong hệ thống tổ chức của mình hoặc doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân Thành phố nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết để thực hiện nhiệm vụ điều hành Quỹ. Cơ quan điều hành Quỹ có nhiệm vụ: Tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định, chiến lược, kế hoạch do Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt; Trực tiếp quản lý, vận hành nguồn tài chính, tài sản của Quỹ; thực hiện các nghiệp vụ giải ngân, thanh toán, quyết toán kinh phí tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ theo đúng hợp đồng và quy định của pháp luật; Tổ chức thực hiện hậu kiểm, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn và quản trị rủi ro tài chính của Quỹ.

Ban Kiểm soát Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc tuân thủ Điều lệ Quỹ, quy chế tài chính, quy trình nghiệp vụ, cơ chế phòng ngừa xung đột lợi ích và chế độ công khai, báo cáo.

Điều 9 quy định về hội đồng tư vấn, chuyên gia tư vấn và dịch vụ hỗ trợ hoạt động của Quỹ.

Quỹ được thuê tổ chức, cá nhân để tư vấn thẩm định hồ sơ, kết quả và cung cấp một số dịch vụ chuyên môn khác để hỗ trợ quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ. Tổ chức, cá nhân được thuê không thay thế Hội đồng quản lý Quỹ, Cơ quan điều hành Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc quyết định chủ trương, điều kiện, đối tượng, nội dung, mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ.

4.3. Chương III – Quản lý tài chính của Quỹ, gồm 4 Điều.

Điều 10 quy định nguồn tài chính của Quỹ.

Nguồn tài chính của Quỹ gồm:

- Nguồn ngân sách nhà nước cấp hằng năm theo dự toán được cấp có thẩm quyền giao;
- Nguồn đóng góp tự nguyện, tài trợ, viện trợ, hiến, tặng hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật;
- Nguồn thu từ hoạt động hợp pháp của Quỹ, lãi tiền gửi, thu hồi kinh phí, hoàn trả, bồi hoàn, xử lý vi phạm hợp đồng, thỏa thuận và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;
- Nguồn từ việc tiếp nhận phần phân chia lợi nhuận, tiền chuyển giao, tiền khai thác quyền sở hữu trí tuệ, phần hoàn trả, phần thu hồi hoặc khoản thu hợp pháp khác từ thương mại hóa kết quả nghiên cứu, sản phẩm, công nghệ, tài sản trí tuệ hình thành từ chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ, hoạt động do Quỹ ký hợp đồng tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ.

Điều 11 quy định nội dung chi, phương thức hỗ trợ và quản lý tài chính của Quỹ.

Việc cấp kinh phí được thực hiện theo quyết định, hợp đồng hoặc thỏa thuận; gắn với mục tiêu, tiến độ, sản phẩm đầu ra, hiệu quả, tác động và mức độ rủi ro của nhiệm vụ. Điều kiện, tiêu chí, hồ sơ, trình tự, thủ tục, mức hỗ trợ, cơ chế hỗ trợ lãi suất vay, đồng tài trợ, đồng đặt hàng, giải ngân, tạm ứng, thanh toán, quyết toán, thu hồi kinh phí, đánh giá hiệu quả, phân loại và xử lý rủi ro đối với từng phương thức hỗ trợ của Quỹ được thực hiện theo quy định pháp luật.

Điều 12 quy định về quản trị rủi ro và xử lý rủi ro trong hoạt động của Quỹ.

Trường hợp chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ, hoạt động do Quỹ ký hợp đồng tài trợ, đặt hàng, hỗ trợ không đạt kết quả dự kiến do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng hoặc do rủi ro khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã được xác định, quá trình tổ chức triển khai đã được thực hiện đúng mục đích, đúng quy trình, công khai, minh bạch thì áp dụng quy định về chấp nhận rủi ro theo quy định pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Trường hợp rủi ro, thiệt hại phát sinh do lỗi chủ quan, sử dụng kinh phí sai mục đích, báo cáo không trung thực, vi phạm hợp đồng, vi phạm quy định về tài chính, kế toán, đấu thầu, sở hữu trí tuệ, đạo đức nghiên cứu, an toàn, bảo mật hoặc quy định pháp luật khác thì tổ chức, cá nhân có liên quan phải hoàn trả, bồi thường và chịu xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 13 quy định về việc công khai thông tin, kiểm tra, giám sát.

- Sở Khoa học và Công nghệ, Cơ quan điều hành Quỹ có trách nhiệm công khai các nội dung về hoạt động của Quỹ. Hoạt động của Quỹ chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Quỹ thực hiện hậu kiểm, đánh giá tác động sau hỗ trợ để xem xét tiếp tục hỗ trợ, điều chỉnh, nhân rộng, thu hồi kinh phí, xử lý vi phạm hoặc hoàn thiện chính sách.

- Quỹ thực hiện kiểm toán độc lập hằng năm đối với hoạt động tài chính

của Quỹ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4.4. Chương IV - Tổ chức thực hiện, gồm 3 Điều nhằm bảo đảm tính đồng bộ, hiệu quả trong triển khai thực hiện

Chương này bao gồm nội dung quy định trách nhiệm tổ chức thực hiện; hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp.

UBND Thành phố Hà Nội được giao **tổ chức triển khai đồng bộ** các nội dung của Nghị quyết, bao gồm:

- Quyết định thành lập Quỹ Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của thành phố Hà Nội.

- Ban hành Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ;

- Quyết định chấm dứt hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hà Nội và việc ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố quản lý nguồn vốn và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và Công nghệ; phê duyệt phương án xử lý chấm dứt của Quỹ Phát triển khoa học và Công nghệ.

- Quyết định lựa chọn tổ chức được giao điều hành Quỹ; đánh giá hiệu quả hoạt động điều hành Quỹ của tổ chức được lựa chọn định kỳ hằng năm hoặc đột xuất khi cần thiết; quyết định chấm dứt, thay thế tổ chức thực hiện nhiệm vụ khi tổ chức không đáp ứng các điều kiện hoặc có hành vi vi phạm theo quy định của Nghị quyết này và pháp luật có liên quan.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố được giao ban hành Điều lệ Quỹ quy định chi tiết và quyết định các nội dung cần thiết để Quỹ đi vào hoạt động, bảo đảm không làm phát sinh cơ chế, chính sách, đối tượng hỗ trợ, nội dung chi hoặc mức hỗ trợ mới; không làm phát sinh thủ tục hành chính mới hoặc quyền, nghĩa vụ mới của tổ chức, cá nhân ngoài phạm vi pháp luật đã quy định.

Điều khoản chuyển tiếp: Các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực tiếp tục thực hiện theo quyết định phê duyệt, hợp đồng, thỏa thuận đã ký và quy định pháp luật tại thời điểm phê duyệt; đối với các dự án trong quá trình nhận hỗ trợ hằng năm từ Sở Khoa học và Công nghệ khi chuyển giao sang Quỹ này sẽ được kế thừa quyền lợi và nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký, không phải thực hiện lại thủ tục thẩm định từ đầu.

5. Điểm mới, quy định vượt trội so với pháp luật hiện hành

- Quỹ là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản, ngân sách hoạt động và báo cáo tài chính riêng. Quỹ là công cụ tài chính tập trung của Thành phố để tiếp nhận, quản lý, sử dụng nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác triển khai nhiệm vụ KHCN, ĐMST của Thành phố.

Điểm mới của Quỹ là không chỉ thực hiện việc tài trợ, hỗ trợ và đặt hàng đối với các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi

mới sáng tạo theo quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, mà còn là đầu mối triển khai các cơ chế, chính sách đặc thù của Thủ đô được quy định tại các nghị quyết của HĐND Thành phố như chính sách hỗ trợ thử nghiệm có kiểm soát; hỗ trợ đào tạo nghiên cứu sinh. Thông qua Quỹ, các nguồn lực hỗ trợ cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được tập trung, quản lý thống nhất và triển khai đồng bộ, góp phần đưa các chính sách của Thành phố nhanh chóng đi vào thực tiễn.

- UBND Thành phố giao cơ quan, đơn vị hiện có trong hệ thống tổ chức hoặc doanh nghiệp Nhà nước điều hành Quỹ. Quy định này mở rộng phạm vi lựa chọn đơn vị điều hành Quỹ, tạo điều kiện để UBND Thành phố lựa chọn tổ chức có năng lực, kinh nghiệm và điều kiện bảo đảm vận hành Quỹ hiệu quả. Quy định này bảo đảm sự tách bạch giữa chức năng quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo với chức năng điều hành Quỹ, phù hợp với yêu cầu nâng cao tính khách quan, minh bạch và hiệu quả trong quản lý, sử dụng nguồn lực tài chính nhà nước.

Việc mở rộng chủ thể được giao điều hành Quỹ cũng góp phần tăng tính linh hoạt trong tổ chức thực hiện, có thể phát huy lợi thế về mạng lưới và khả năng kết nối của doanh nghiệp để tiếp cận, tìm kiếm và thu hút được nhiều cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp có năng lực và nhu cầu tham gia, giúp Thành phố tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh nhằm lựa chọn các đơn vị, dự án có chất lượng tốt nhất, sử dụng tối ưu nguồn lực, góp phần thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn Thành phố./.